

2. Hỗ trợ chi phí học tập

- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo qui định của nhà nước.

Lưu ý: (Đối với học phí và chi phí học tập)

- Ngoài các hồ sơ nêu trên, học sinh phải có đơn xin miễn, giảm theo qui định.

- Tất cả các đối tượng được miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập nêu trên, ngay từ đầu năm học đến trước ngày 30/10/2024 yêu cầu các bậc phụ huynh liên hệ với giáo viên, kế toán nhà trường để hoàn tất hồ sơ. (Các hồ sơ trên nếu nộp bản photo đều phải có công chứng)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Lãnh đạo trường tổ chức triển khai trong buổi họp chi ủy, chi bộ, BGH, hội đồng trường, hội đồng sư phạm, báo cáo Đảng ủy, UBND phường và hội nghị cha mẹ học sinh của trường để có sự đồng thuận và thống nhất thực hiện.

- Giáo viên thông báo cho phụ huynh học sinh biết về các khoản thu theo quy định thường xuyên tuyên truyền vận động cha mẹ học sinh và học sinh nộp các khoản thu trên nhóm lớp. Kế toán nhà trường thực hiện lập các đợt thu gửi qua app sisap phụ huynh để phụ huynh nắm được và chủ động nộp tiền cho học sinh, hàng tuần Kế toán có trách nhiệm tổng hợp các loại phí để báo cáo cho Hiệu trưởng.

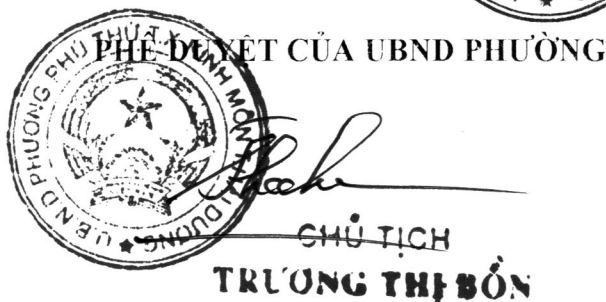
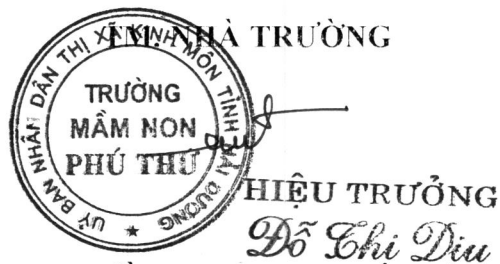
- Kế toán chịu trách nhiệm quản lý thu - chi các khoản năm học 2024-2025 trên phần mềm khoản thu của nhà trường.

- Kế toán có trách nhiệm tổng hợp các loại phí để báo cáo cho Hiệu trưởng.

Trên đây là báo cáo kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024-2025 của Trường mầm non Phú Thứ, nhà trường báo cáo Đảng ủy - UBND phường quan tâm tạo điều kiện để nhà trường thực hiện đạt kết quả tốt nhất./.

Nơi nhận:

- UBND phường (đề b/c);
- Phòng GD & ĐT (đề b/c);
- Lưu: VT.



d/ Giấy vệ sinh, Vím tẩy bồn cầu					29.160.000
Giấy vệ sinh	Bịch	60.000	54	9	29.160.000
e/Chi trả lao công,					18.900.000
Khu 5 Vạn Chánh	Tháng	1.500.000	9		13.500.000
Khu 2 Lô Sơn	Tháng	600.000	9		5.400.000
f/ Trả tiền vận chuyên rác thải					2.400.000
Tổng cộng					80.100.000

(Bảng chữ : Tám mươi triệu một trăm nghìn đồng chẵn ./.)

IV.CHẾ ĐỘ, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỦ TỤC MIỄN, GIẢM

1. Học phí

a. Đối tượng và hồ sơ miễn thu học phí

+ Con của liệt sĩ, thương binh, bệnh binh (Giấy xác nhận của Phòng LĐ,TB-XH thị xã hoặc UBND phường theo thẩm quyền).

+ Con của hạ sĩ quan, binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân (Giấy xác nhận của đơn vị)

+ Học sinh thuộc diện hộ nghèo theo qui định (Có sổ hộ nghèo của UBND xã, phường).

+ Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là cha hoặc mẹ mất tích từ 2 năm liền trở lên hoặc không đủ khả năng để nuôi dưỡng theo qui định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng (Giấy xác nhận của UBND xã , phường).

+ Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa (Bản sao quyết định về việc trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND thị xã) .

+ Học sinh khuyết tật hoặc bị tàn tật và giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo của UBND phường (Bản sao quyết định về việc trợ cấp xã hội của Hội đồng xét duyệt phường).

+ Học sinh là trẻ mẫu giáo 5 tuổi được miễn học phí bắt đầu từ năm học 2024-2025 theo quy định.

b. Đối tượng được giảm 50% học phí

+ Học sinh có cha mẹ thuộc diện cận nghèo (có giấy chứng nhận hộ cận nghèo của UBND phường).

+ Con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên (Bản sao sổ hưởng trợ cấp do Bảo hiểm XH cấp).

2.2.2. Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong cơ sở giáo dục: (Bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)

***Thời gian thu:**

Thời gian thực hiện thu vào T11/2024

*** Mức thu : 20.000đ/ cháu / tháng**

Sĩ số dự kiến : 445 cháu (có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc số trẻ ra lớp)

Tổng thu: 20.000đ x 441 cháu x 9 tháng = 80.100.000đ

***Dự kiến chi như sau:**

- Nhà trường lập dự toán chi cụ thể như sau(trong quá trình thực hiện chi sẽ có sự thay đổi, phụ thuộc vào số trẻ đến trường thực tế và đơn giá thị trường theo từng thời điểm lấy hàng hóa):

Đơn vị tính : đồng

Tên đồ dùng	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Số lớp	Tổng tiền
a/ Dụng cụ vệ sinh lớp					24.908.000
Cây lau nhà	Cái	55.000	2	20	2.200.000
Chổi quét nước	Cái	40.000	1	18	720.000
Chổi quét nhà	Cái	52.000	2	20	2.080.000
Thảm lau chân	Cái	45.000	2	18	1.620.000
Khăn lau tay	Cái	18.000	4	18	1.296.000
Cọ bồn cầu	Cái	20.000	1	18	360.000
Khau hút	Cái	15.000	2	18	540.000
Bàn chải đánh dép	cái	42.000	7	18	5.292.000
Găng tay cao su	Đôi	40.000	4	18	2.880.000
Thùng rác	Cái	120.000	1	18	2.160.000
Túi bóng đựng rác	Kg	40.000	8	18	5.760.000
b/ Dụng cụ vệ sinh trường					2.630.000
Chổi dũa quét sân	Cái	60.000	9		540.000
Chổi chít	Cái	40.000	9		360.000
Thùng rác	cái	240.000	4		960.000
Khau hút rác cán dài	Cái	50.000	5		250.000
Găng tay vải	đôi	10.000	9		90.000
Găng tay cao su	đôi	40.000	9		360.000
Túi bóng đựng rác	kg	35.000	2		70.000
c/ Dụng cụ vệ sinh nhà bếp					2.102.000
Cây lau nhà	Cái	55.000	4		220.000
Chổi quét nhà	Cái	52.000	6		312.000
Chổi quét nước	Cái	40.000	4		160.000
Găng tay cao su dài	Đôi	30.000	45		1.350.000
Khau hút rác	Cái	15.000	4		60.000

Kế hoạch chi cụ thể: Căn cứ vào số tiền thu được từ sự thỏa thuận của nhà trường với phụ huynh học sinh. Nhà trường lập kế hoạch dự toán chi cụ thể như sau (trong quá trình thực hiện chi sẽ có sự thay đổi, phụ thuộc vào số trẻ đến trường thực tế):

ĐVT : đồng

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng cần sử dụng trong năm	Số lượng hiện có	Số lượng cần bổ sung	Đơn giá	Thành tiền
1	Muôi cơm nhựa (nhóm, lớp)	Cái	18	4	14	25.000	350.000
2	Muôi canh Inox (nhóm, lớp)	Cái	18	7	11	35.000	385.000
3	Nồi chia cơm inox	Cái	18	16	2	400.000	800.000
4	Nồi chia canh inox	Cái	18	16	2	400.000	800.000
5	Nồi chia thức ăn inox	Cái	18	16	2	280.000	560.000
6	Bát INOX 14cm	Cái	445	345	50	20.000	1.000.000
7	Thìa INOX	Cái	445	345	100	5.000	500.000
8	Chậu nhựa	Cái	10	6	4	90.000	360.000
9	Máy xay cua	Cái	2	0	1	1.420.000	1.420.000
10	Máy xay thịt	cái	2	1	1	3.000.000	3.000.000
11	Dao nhỡ	Cái	12	6	6	120.000	720.000
12	Nạo gọt bí	Cái	6	1	5	15.000	75.000
13	Đá mài dao	Viên	2	0	2	15.000	30.000
14	Rổ nhựa đựng bát	Cái	18	8	10	50.000	500.000
15	Rổ nhựa to	Cái	8	0	8	75.000	600.000
16	Rá nhựa to	Cái	4	0	4	75.000	300.000
17	Trờ thổi xôi	cái	3	2	1	600.000	600.000
18	Chiều nhựa đôi	cái	72	54	15	120.000	1.800.000
19	Chăn nỉ	Cái	72	54	20	125.000	2.500.000
Cộng							16.000.000

(Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu đồng chẵn ./.)

Căn cứ vào số tiền thu được từ sự thỏa thuận của nhà trường với phụ huynh học sinh. Nhà trường lập kế hoạch dự toán chi cụ thể như sau(trong quá trình thực hiện chi sẽ có sự thay đổi, phụ thuộc vào số trẻ đến trường thực tế và đơn giá thị trường theo từng thời điểm lấy hàng hóa)

ĐVT: đồng

Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Số tháng	Tổng tiền
1.Tiền chất đốt (gas)	Kg	32.000	230	9	66.240.000
2.Tiền điện sinh hoạt (dự toán theo mức sd năm trước) (chi 7 tháng còn 2 tháng chi ngân sách)					50.600.000
3.Tiền nước sinh hoạt (dự toán theo mức sd năm trước) (chi 7 tháng còn 2 tháng chi ngân sách)					25.930.000
4. Đồ dùng vệ sinh					117.555.000
Nước rửa bát	Can	120.000	4	9	4.320.000
Nước lau nhà	Lọ	65.000	45	9	26.325.000
Giấy vệ sinh đẹp	Bịch	60.000	20	9	10.800.000
Comfor gói	Gói	120.000	18	9	19.440.000
Xà phòng ô mô	Túi	60.000	38	9	20.520.000
Nước rửa bồn cầu	Lọ	40.000	36	9	12.960.000
Nước rửa tay lifebuoy	Lọ	78.000	20	9	14.040.000
Bàn chải đánh dép	cái	42.000	20	2	1.680.000
Nước lau đa năng Cif	Lọ	35.000	18	9	5.670.000
Bột thông bồn cầu	Lọ	50.000	18	2	1.800.000
TỔNG CỘNG					260.325.000

Hai trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn./

d. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh(trẻ) bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)

Mức thu 200.000đ/trẻ/khóa học (Đối với những trẻ nhập học lần đầu)

Dự kiến số trẻ mới ra trường $80 \times 200.000^d/ \text{năm} = 16.000.000\text{đ}$ (trẻ chỉ đóng 1 lần đầu ăn bán trú cho đến hết khóa học).

Số tiền thu được sẽ chi vào việc mua bổ sung đồ dùng bán trú trong năm cho nhà trường theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm lớp và nhà bếp để phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ trong năm học 2024-2025 được tốt nhất.

(Tổng chi công tác quản lý bán trú là 10% sẽ để lại từ 3% đến 4% để chi trả nội dung này)

(Mức tiền công sẽ có sự thay đổi căn cứ theo số ngày, số trẻ thực tế ăn bán trú tại trường)

Thời gian chi trả: Từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng.

b. Tiền ăn:

Mức thu tối đa theo quy định : 23.000đ/cháu/ngày

***Dự kiến thu tiền ăn bán trú:** (Tất cả các độ tuổi):

Dự kiến mức ăn: 18.000đ/ngày x số ngày trong tháng.

Nhà trẻ gồm 3 bữa:

+ Một bữa ăn chính buổi trưa khoảng từ 10.000đ - 11.500đ

+ Một bữa ăn phụ buổi chiều khoảng từ 3.500đ - 4.500đ

+ Một bữa xế khoảng từ 2.000đ – 2.500đ

Mẫu giáo:

+ Một bữa ăn chính buổi trưa khoảng từ 12.000đ - 13.000đ

+ Một bữa ăn phụ buổi chiều khoảng từ 4.000đ – 5.000đ

*** Kế hoạch thu:**

Hàng ngày, giáo viên chủ nhiệm chăm ăn. Nếu trong tháng cháu nghỉ phụ huynh báo cho cô giáo chủ nhiệm để không báo ăn cho cháu. Cuối tháng thực hiện chốt xuất ăn của các lớp gửi về cho kế toán, kế toán thực hiện lập đợt thu ăn cho các cháu gửi thông báo về app sisap phụ huynh để phụ huynh nắm được. Hàng tháng phụ huynh đóng tiền ăn cho các cháu về tài khoản của nhà trường từ ngày 01-05 dương lịch của tháng liền kề. Từ số tiền thu được của phụ huynh học sinh nhà trường sẽ thanh toán tiền mua thực phẩm cho các nhà cung cấp.

*** Dự kiến kế hoạch chi:**

Chi suất ăn theo đúng chế độ ăn hàng ngày của các cháu.

c. Phụ phí: (Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)

***Thời gian thu:**

Thời gian thực hiện thu vào T10/2024

*** Mức thu : 65.000đ/ cháu / tháng**

Sĩ số dự kiến : 445 cháu (có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc số trẻ ra lớp)

Tổng thu: 65.000đ x 445 cháu x 9 tháng = 260.325.000đ

Số tiền thu được sẽ chi vào việc mua bổ sung đồ dùng bán trú trong năm cho nhà trường theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm lớp và nhà bếp để phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ trong năm học 2024-2025 được tốt nhất.

***Dự kiến chi như sau:**

giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ năm học 2022-2023; ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ Hướng dẫn số 1507/SGDĐT-KHTC ngày 19/11/2021 của sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương.

2.2.1. Tiền Bán trú:

a. Chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)

***Thời gian thu:**

Thời gian thực hiện thu vào T10/2024

***Mức thu:**

Theo quy định mức thu tối đa: 240.000đ/học sinh/tháng

Nhà trường thực hiện thu với mức thu: 220.000đ/học sinh/tháng.

Sĩ số dự kiến : 445 cháu (có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc số trẻ ra lớp)

Tổng thu: 220.000đ x 445 cháu x 9 tháng = 881.100.000đ

***Dự kiến chi như sau:**

- Chi thuê nhân viên nấu ăn :

5.000.000đ/ tháng /người x 5 người x 9 tháng = 225.000.000đ

- Trục trưa:

+Mức tiền công dự kiến chi trả giáo viên: từ 1.500.00đ đến 2.300.000đ/người/tháng.

+ Mức tiền công dự kiến chi trả QL (hiệu trưởng): từ 1.300.00đ đến 2.000.000đ/người/tháng.

+ Mức tiền công dự kiến chi trả QL (P. hiệu trưởng): từ 1.200.00đ đến 2.000.000đ/người/tháng

+Mức tiền công dự kiến chi trả (KT+TQ): từ 1.300.00đ đến 2.000.000đ/người/tháng.

- Chi công tác tổ chức đấu thầu mua sắm thực phẩm:

+ Nhà trường thuê tổ chuyên gia và tổ tư vấn đấu thầu để thực hiện tổ chức đấu thầu rộng rãi gói mua thực phẩm. Kinh phí dự kiến từ 20.000.000đ đến 35.000.000đ sẽ được trích từ chi phí quản lý bán trú.

Căn cứ công văn 1569/SGDDĐT/KHTC ngày 08 tháng 09 năm 2023 về việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024.

Căn cứ công văn số 510 /PGDDĐT ngày 12/09/2023 của Phòng Giáo dục và đào tạo thị xã Kinh Môn hướng dẫn về việc thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường năm học 2023-2024; Thu học phí tạm thời thực hiện theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non và giáo dục phổ thông thuộc tỉnh quản lý năm học 2022-2023 (khi có thay đổi sẽ được thông báo sau)

Căn cứ Hướng dẫn số 1507/SGDDĐT-KHTC ngày 19/11/2021 của sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương.

TT	NỘI DUNG	Mức thu học phí theo quy định đối với cấp học mầm non	Dự kiến chi	Thời gian thu dự kiến
1	Thu học phí (Kỳ I + kỳ II)	<p>- Học sinh nhà trẻ : 165.000đ/học sinh/tháng x 9 tháng = 1.485.000đ/năm</p> <p>- Học sinh mẫu giáo 3 và 4 tuổi : 135.000đ/học sinh/tháng x 9 tháng = 1.215000đ/năm</p> <p>- Học sinh mẫu giáo 5 tuổi được miễn học phí theo nghị quyết.</p>	<p>- Nộp kho bạc chi theo quy định của Nhà nước.</p> <p>- Trích lại tối thiểu 40% tổng thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương.</p> <p>- Trích lại 3% (trên tổng thu) chi cho công tác quản lý thu chi học phí.</p> <p>- Chi trả lương, bảo hiểm cho giáo viên, nhân viên.</p> <p>- Chi hoạt động: Tổng tiền thu học phí còn lại sau khi đã chi lương, bảo hiểm.</p>	<p>- Học kỳ I thu vào đầu T11/2024</p> <p>- Học kỳ II thu vào cuối T1/2025</p>

2.2 Thu theo thỏa thuận :

-Thực hiện theo phụ lục số 02 quy định danh mục mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Mục đích: tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh và phụ huynh học sinh được đóng các khoản thu thuận tiện và nhanh chóng.

- Yêu cầu: Công tác thu phải đảm bảo chính xác, trung thực.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG:

1. Đối với các khoản thu theo quy định: mức thu, chế độ miễn giảm, quản lý và sử dụng thực hiện theo văn bản quy định của các cấp có thẩm quyền .

2. Đối với các khoản thu theo thỏa thuận phải đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của người dân trên địa bàn. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi, nội dung chi, phải có sự thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản với cha mẹ học sinh. Tất cả các khoản thu đều có dự toán trước khi đưa ra mức thu. Đồng thời, trước khi triển khai huy động các khoản thu, nhà trường phải báo cáo các cơ quan quản lý, trực tiếp và thông báo công khai bằng văn bản tới từng cha mẹ học sinh .

3. Việc sử dụng các khoản thu thỏa thuận, tài trợ phải tiết kiệm, hiệu quả đúng mục đích, được hạch toán kế toán riêng theo các khoản thu vào sổ sách kế toán, tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm, chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan tài chính cấp có thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

4. Không thu gộp nhiều khoản thu đầu năm học, không lợi dụng việc tài trợ viện trợ để lạm thu.

5. Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024, Thông tư số 90/2018/ TT- BTC.

III. KẾ HOẠCH THU – CHI

1. Cách thức thu các khoản

Các khoản thu góp đóng trực tiếp vào tài khoản của nhà trường đều được quản lý trên phần mềm quản lý thu – thanh toán không dùng tiền mặt (*MISA EMIS*).

Học sinh đóng tiền theo kỳ hoặc theo tháng(Theo nguyện vọng của phụ huynh), riêng tiền ăn đóng theo tháng.

2. Công tác thu, chi

2.1 Thu theo quy định

Số: 22/KH-MNPT

Phú Thứ, ngày 27 tháng 08 năm 2024

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU CHI
NĂM HỌC 2024-2025**

**Kính gửi: - Phòng Giáo dục và đào tạo thị xã Kinh Môn
- Đảng ủy – Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 V/v quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn 1569/SGDĐT/KHTC ngày 08 tháng 09 năm 2023 về việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 510 /PGDĐT ngày 12/09/2023 của Phòng Giáo dục và đào tạo thị xã Kinh Môn hướng dẫn về việc thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 214 /PGDĐT-GDMN ngày 22 tháng 05 năm 2024 của phòng GD&ĐT về việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm cuối năm học 2023 – 2024 và chuẩn bị các điều kiện cho năm học 2024-2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê tài sản năm học 2023-2024 và mức chi của năm học 2023-2024. Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường mầm non Phú Thứ.

Căn cứ vào các nội dung chuẩn bị cho năm học 2024-2025, tình hình thực tế;

Trường Mầm non Phú Thứ xây dựng kế hoạch các khoản thu chi phục vụ cho các hoạt động nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2024-2025 như sau: